

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HSST

Ngày: 09/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.

2. Ông Đỗ Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2022/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. TRẦN NGỌC Đ, sinh năm: 2002, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 13, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Dân quân phường P; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc N và bà Trần Thị P. Chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ NGỌC Q, sinh năm: 1995, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 8, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Dân quân cơ động phường P; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc V và bà Nguyễn Thị Hồng N. Chưa có vợ, con.

Tiền sự : không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. LÊ NHẬT H, sinh năm: 2001, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Dân quân phường P; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L và bà Đặng Thị P. Chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN QUANG M, sinh năm: 1999, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Dân quân phường P; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Hoàng Y, cha: không rõ. Chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN CHÍ L, sinh năm: 1982, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: công chức nhà nước; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B. Có vợ, 02 con.

Tiền sự: không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 12/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN MINH T (tên gọi khác: Nhon), sinh năm: 1996, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 11, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Dân quân phường P; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Đỗ Thị N. Chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo LÊ NGỌC Q, TRẦN NGỌC Đ, LÊ NHẬT H, NGUYỄN QUANG M và NGUYỄN MINH T:** Bà Lê Thị T – Luật sư văn phòng Luật sư NK – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt).

*** Bị hại:**

Trần Văn T, sinh năm: 1986. Trú tại: khu phố 1, phường PT, thành phố P (đã chết).

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

Bà Lâm Thị Hồng A, sinh năm 1963 (mẹ bị hại). Trú tại: khu phố 1, phường PT, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Cháu Trần Ngọc H, sinh năm 2013 (con của bị hại).

Người đại diện theo pháp luật của cháu H: Bà Trần Thị B, sinh năm 1994. Trú tại: khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Trần Ngọc N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu phố 13, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Đỗ Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố 11, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố 8, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Đặng Thị P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Võ Thị Thủy N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

*** Người làm chứng:**

Hà Trung K, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố 13, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Nguyễn Gia H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Từ Sĩ K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Tăng Hoàn V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Thắng Hiệp, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Lê Phú H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Tiên Hưng, xã Tiên Lợi, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Đỗ Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 31/8/2021, Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19 đóng tại ngã 3 đường Hùng Vương - Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Bình Thuận phát hiện 02 thanh niên chạy trên 01 xe máy vượt chốt không chấp hành hiệu lệnh kiểm tra. Một lúc sau, bị hại Trần Văn T (sinh năm 1986, trú khu phố 1, phường PT, thành phố P) đi bộ đến khu vực Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19 thì bị cáo LÊ NHẬT H (sinh năm 2001, trú khu phố 10, phường P, thành phố P, dân quân phường P) và Lê Phú H (sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, thành phố P, tình nguyện viên) là thành viên của Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19 xác định Bị hại T là người thanh niên ngồi phía sau xe máy vượt Chốt trực nên đến kiểm tra.

Thấy bị hại T không mang theo giấy tờ tùy thân, không có giấy thông hành nên LÊ NHẬT H và Lê Phú H dùng xe máy chở bị hại T về trụ sở Ủy ban nhân dân phường P giao cho bị cáo LÊ NGỌC Q (sinh năm 1995, trú tại khu phố 8, phường P, dân quân cơ động phường P) là thành viên Tổ xử lý vi phạm hành chính liên quan đến Chi thị 16 để làm việc. Sau khi tiếp nhận, bị cáo Q hỏi bị hại T ở đâu, bị hại T nói ở phường PT. Bị cáo Q hỏi có giấy tờ tùy thân không, bị hại T trả lời “không có”, Q tiếp tục hỏi có tiền án tiền sự gì chưa, bị hại T trả lời “Có 04 cái”. Thấy thái độ của bị hại T và bị hại T có biểu hiện say rượu nên Q báo cho Đỗ Thị K (sinh năm 1984, trú tại khu phố 2, phường P) là Tổ trưởng Tổ xử lý vi phạm hành chính biết, chị K nói: “Trường hợp này không có giấy tờ, cho về đi”, sau đó chị K đi về nhà. Lúc này, bị cáo Q không thực hiện theo chỉ đạo của chị K, Q nói với bị cáo TRẦN NGỌC Đ (sinh năm 2002, trú khu phố 13, phường P, dân quân phường P) lấy còng số 8 còng bị hại T lại. Bị cáo Đ vào phòng nghỉ của dân quân lấy còng rồi Đ cùng Q còng bị hại T vào бага xe máy gần gốc cây Sake ở sân sau Ủy ban nhân dân phường, Đ ngồi cạnh bị hại T, còn Q tiếp tục giúp việc cho Tổ xử lý.

Đến 18 giờ cùng ngày, Q và Đ bảo bị hại T dọn nhà vệ sinh xong sẽ cho bị hại T về nên Đ tháo còng số 8 để trên bàn đá và dẫn bị hại T vào nhà vệ sinh của Ban Chỉ huy quân sự phường P, kêu bị hại T dọn vệ sinh, bị hại T nói “tụi mày là cái gì mà kêu tao dọn vệ sinh”. Đ lấy 01 cây dùi cui cao su màu đen dài 52cm đánh bị hại T, bị hại T dùng tay trái chụp cây dùi cui, dùng chân đạp vào bụng Đ, bị hại T nhặt 01 cây tre dẹp gần đó đánh vào người Đ 03 cái. Đ la lên thì LÊ NHẬT H và Tăng Hoàn V (sinh năm 1992, đoàn viên của phường P) đang nấu ăn trong bếp gần đó chạy đến cùng với Đ không chế bị hại T. Đ đè bị hại T nằm xuống nền nhà vệ sinh, dùng tay đấm vào mặt bị hại T 02 cái, H và V đè lên chân của bị hại T, H dùng tay trái đánh 02 cái vào chân trái của bị hại T. Lúc này bị cáo NGUYỄN CHÍ L (sinh năm 1982, trú khu phố 4, phường P, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường P), NGUYỄN QUANG M (sinh năm 1999, trú khu phố 1, phường P, dân quân phường P) đang ở phòng nghỉ của dân quân chạy đến, thấy Đ đang đè bị hại T, L hỏi: “Có chuyện gì vậy”, Đ trả lời “Thằng này kêu dọn

vệ sinh, không dọn mà còn đánh lại”. Nghe Đ nói vậy, L nhặt cây dùi cui cao su của Đ, L đánh 01 cái vào cẳng chân trái của bị hại T, M dùng chân phải đá vào má phải của bị hại T 01 cái, rồi L nói “Đất nó ra ngoài”. Đ dùng tay trái kẹp cổ kéo bị hại T lôi ra phía ngoài sân, Đ nói “lấy còng còng nó” thì H đi vào bàn đá của phòng bếp lấy còng số 8 ra, H cùng với Đ còng 02 tay của bị hại T ở tư thế 02 tay treo ra phía sau vào thanh sắt lan can khu vực hành lang trước Nhà văn hóa trong khuôn viên Ủy ban nhân dân phường. Còng bị hại T xong, Đ kêu M đi lấy dùi cui cao su, còn Đ đi đến gốc cây bàng lấy 01 cán cơ bị da đã gãy dài khoảng 50cm quay lại chỗ bị hại T, Đ dùng cây cơ đánh nhiều cái vào 02 cẳng chân của bị hại T. Đ đánh xong thì M lấy dùi cui cao su đánh nhiều cái vào đùi, cẳng chân phải của bị hại T, tiếp đến H dùng cây tre đánh 03 cái vào chân phải của bị hại T. Khi xảy ra sự việc này có Từ Sĩ K là Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc phường và một số dân quân trực tại đây chứng kiến, thấy bị hại T bị đánh nhiều quá nên K đến can ngăn rồi tất cả bỏ đi nấu ăn và đi tắm để bị hại T vẫn còn còng ở tư thế cũ vào lan can.

Đến 19 giờ cùng ngày, tất cả đang ăn uống tại Nhà văn hóa phường P thì Q đi ra nói chuyện với bị hại T một lúc thì đi vào, Q nói “nó nói qua phường P không sợ ai hết”, nghe Q nói thì Đ, H, M cùng Q đi ra tiếp tục đánh bị hại T, Đ dùng cơ bị da đánh vào 2 cẳng chân bị hại T nhiều cái. M dùng dùi cui cao su đánh vào 2 bên đùi bị hại T từ 5 đến 6 cái. H dùng cây tre đánh vào cẳng chân phải bị hại T nhiều cái. Q lấy cơ bị da từ Đ, đánh vào 2 bên đùi bị hại T từ 7 đến 8 cái rồi tiếp tục lấy dùi cui cao su của H, đánh vào 2 bên đùi bị hại T thêm 4 đến 5 cái. Sau khi đánh xong tất cả bỏ đi vào Nhà văn hóa.

Đến 20 giờ cùng ngày, NGUYỄN MINH T (sinh năm 1996) và Thái Đức T2 (sinh năm 1996) cùng trú tại khu phố 11, phường P là dân quân cơ động phường P lên trực, nghe Đ kể lại việc bị bị hại T đánh nên T, T2, Đ cùng đi đến chỗ bị hại T đang còng. T vừa hỏi bị hại T “Tại sao đánh anh em tao” vừa dùng chân phải mang giày đá vào cẳng chân trái bị hại T 2 cái, T tiếp tục đá thêm 2-3 cái nữa nhưng bị hại T co chân lên nên T đá trúng vào chân nào không biết. Đánh xong T bỏ đi để bị hại T tiếp tục còng tay ở đây.

Từ khoảng 20 giờ đến 21 giờ cùng ngày, các đối tượng thay nhau ra đánh bị hại T lần lượt: Q dùng cây cơ bị da đánh nhiều cái vào 2 bên đùi Bị hại T. H dùng cây tre đánh vào chân bị hại T nhiều cái. Đ dùng cây cơ bị da đánh vào 2 chân Bị hại T nhiều cái thì Nguyễn Gia H (sinh năm 1981, trú tại khu phố 6, phường P, bảo vệ dân phố) đến nhìn thấy, Nguyễn Gia H đi vào Nhà văn hóa gặp NGUYỄN CHÍ L, Nguyễn Gia H nói với L: “Mày nói mấy anh em đừng đánh nó nữa, lỡ nó chết đó”, Nguyễn Gia H nói với L nhiều lần nhưng L vẫn không phản ứng gì.

Đến khoảng 21 giờ, L thấy Đ đang cầm cây cơ bị da đánh bị hại T thì L nói với Q đi ra nói với Đ không đánh bị hại T nữa, Q đi ra nói với Đ, nhưng Đ không nghe mà tiếp tục dùng dùi cui cao su đánh vào chân của bị hại T, thấy vậy

L đi ra la Đ “Thôi, đừng đánh nữa” rồi L đi vào phòng làm việc. Đ nghe L nên không đánh bị hại T nữa.

Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, NGUYỄN MINH T đi vào phòng làm việc của L, T hỏi L: “Có gọi cho bên phường PT đưa nó về không”, L nói: “Gọi 2 lần rồi mà không được”, L nói tiếp “Thôi, thả cho nó về đi”. Nói xong L đi về thì T đi ra thấy bị hại T vẫn còn còng nên T nói “anh L kêu thả cho nó về”. Lúc này, K nói mở còng cho bị hại T về, nhưng không ai mở thì K trực tiếp mở còng cho bị hại T. Sau khi mở còng, K đi lấy nước và 01 quả thanh long cho bị hại T ăn, bị hại T ăn xong thì K bảo bị hại T đi về, bị hại T đi được 1 đoạn thì ngã nằm ở tư thế nghiêng về bên trái ở nền xi măng nên Q lấy dùi cui cao su đánh vào người bị hại T 02 cái kêu bị hại T về những bị hại T vẫn nằm tại chỗ, thấy vậy K lấy dùi cui cao su cầm ở tay phải đánh vào 1 cái vào mông phải của bị hại T và kêu bị hại T đi về. Bị hại T đứng dậy, K đi một đoạn thì bị hại T tiếp tục khụy xuống. Lúc này T và Q đến nắm áo của bị hại T kéo lên thì áo bị rách và tuột khỏi người bị hại T nên T và Q mỗi người một bên kéo lê bị hại T đi ra phía trước đối diện cổng phụ Ủy ban nhân dân phường P và bỏ bị hại T bên hiên vỉa hè, K lấy chiếc áo rách của bị hại T đưa ra để ở khu vực bỏ rác trước cổng phụ UBND phường P. Sau đó T vào lấy xe chở Q đi rút tiền, khoảng 15 phút sau thì T và Q về lại, thấy Bị hại T vẫn còn nằm ở đây và đang nói chuyện với Nguyễn Gia H. T đi vào Ủy ban nhân dân phường P cất xe rồi đi ra hỏi bị hại T vì sao chưa chịu về, Bị hại T nói bị đau chân nên T và H kéo bị hại T từ hiên nhà đối diện cổng phụ Ủy ban nhân dân phường P đến số nhà 220 Thủ Khoa Huân và bỏ bị hại T ở đó.

Do bị đau và đi không được nên bị hại T đập cửa nhà số 220 Thủ Khoa Huân cầu cứu và được ông Nguyễn Xuân Tr (sinh năm 1960, trú tại khu phố 8, phường P) gọi điện báo Cảnh sát 113 đến chở bị hại T về Trụ sở Công an phường PT, sau đó đưa bị hại T về nhà của bị hại T. Bị hại T kể lại sự việc cho bà Lâm Thị Hồng A (sinh năm 1963, trú tại khu phố 1, phường PT, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, là mẹ của bị hại T) biết bị hại T bị dân quân phường P đánh, đến 4 giờ 30 phút ngày 01/9/2021, bị hại T tử vong tại nhà.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 01/9/2021 và Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 175/2021/TT ngày 22/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận, kết luận:

** Dấu hiệu chính qua giám định:*

+ Chấn thương căng chân trái, gãy phức tạp đầu trên 2 xương căng chân trái, xuất huyết, tụ máu trong cơ căng chân trái.

+ Đa chấn thương phần mềm cánh tay phải, cánh tay trái, đùi phải, đùi trái, căng chân phải, căng chân trái; Xuất huyết, tụ máu trong cơ hai cánh tay, hai đùi, hai căng chân.

+ Đa vết sây sát da cổ bàn tay trái, cẳng chân phải, cẳng chân trái, cánh chấu trái, thắt lưng.

+Chấn thương và các vết sây sát da do vật tày gây ra.

**Nguyên nhân chết:*

+ Choáng không hồi phục sau đa chấn thương trên cơ địa bệnh nhân nghiện ma túy, lao phổi, viêm gan mãn tính mức độ nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản khám nghiệm tử thi và kết luận của Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 175/2021/TT ngày 22/10/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Thuận nêu trên.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSBT-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã truy tố các bị cáo LÊ NGỌC Q, TRẦN NGỌC Đ, NGUYỄN CHÍ L, LÊ NHẬT H về tội: “Cố ý gây thương tích” và “Giữ người trái pháp luật”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo NGUYỄN QUANG M, NGUYỄN MINH T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P được giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: LÊ NGỌC Q, TRẦN NGỌC Đ, NGUYỄN CHÍ L, LÊ NHẬT H cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Giữ người trái pháp luật”.

Các bị cáo NGUYỄN QUANG M, NGUYỄN MINH T cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo như sau:

Bị cáo TRẦN NGỌC Đ với mức hình phạt từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 06 năm đến 06 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo LÊ NGỌC Q với mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 05 năm đến 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo LÊ NHẬT H với mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 05 năm đến 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo NGUYỄN CHÍ L với mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2022.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo như sau:

Bị cáo NGUYỄN QUANG M với mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo NGUYỄN MINH T với mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Về bồi thường dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại T bà Lâm Thị Hồng A yêu cầu 06 bị cáo phải bồi thường số tiền 249.000.000 đồng, gồm: chi phí mai táng 100.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng. Các bị cáo và gia đình của các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà A.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu 06 bị cáo phải bồi thường thêm tiền chi phí mai táng cho bị hại T là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Giữa bà A và 06 bị cáo đã thỏa thuận, 06 bị cáo đồng ý liên đới cùng bồi thường thêm cho bà A khoản chi phí mai táng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trần Thị B là mẹ của cháu Trần Ngọc H (sinh ngày 24/10/2013, con của Trần Văn T) yêu cầu 06 bị cáo phải liên đới cấp dưỡng nuôi cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà Trần Thị B yêu cầu 06 bị cáo cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Giữa bà Trần Thị B và 06 bị cáo đã thỏa thuận, 06 bị cáo đồng ý liên đới cấp dưỡng tiền nuôi cháu H, cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, mỗi bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu H cho bà Trần Thị B là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Đây

là sự tự nguyện thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà Trần Thị B. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự ; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 khúc cây cơ bida dài 43cm, đường kính chui 3cm, trên thân sơn màu vàng đen, khúc cây bằng thân dạng gỗ, khúc cây dài bị gãy thành 02 khúc; 01 cây tre đẹp dài 73cm; 01 đôi giày da màu đen có số dưới giày là 41, bên trong giày có dòng chữ Công ty may Thanh Trình sản xuất 2020. Đây là các công cụ mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; 01 chiếc nón kết bằng vải màu xám, nâu, trên nón có chấm trắng nhỏ li ti không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 còng số 8 bằng kim loại, có số hiệu 1063; 01 cây gậy cao su màu đen (dùi cui), chiều dài 52cm, đường kính 3,5cm trên đầu tay cầm có dây dù được cột thành vòng tròn; 02 cây dùi cui bằng cao su màu đen có chiều dài 52cm, đường kính 3cm, là công cụ hỗ trợ thuộc quyền quản lý của Ban chỉ huy quân sự phường P, do đó trả lại cho ban chỉ huy quân sự phường P.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: sau khi phạm tội các bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện, các bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 16 giờ ngày 31/8/2021, do không mang theo giấy tờ tùy thân, không có giấy thông hành nhưng bị hại Trần Văn T đã vượt Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19 tại ngã 3 đường Hùng Vương - Trần Hưng Đạo, thành phố P nên

Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19 đưa bị hại Bị hại T về trụ sở Ủy ban nhân dân phường P để xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Tại đây, chị Đỗ Thị K là Tổ trưởng Tổ xử lý vi phạm hành chính đã yêu cầu bị cáo LÊ NGỌC Q cho bị hại Bị hại T về nhưng bị cáo Q cùng TRẦN NGỌC Đ đã tự ý dùng khóa số 8 còng, giữ Bị hại T tại khu vực trước trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường P.

Đến 18 giờ cùng ngày, bị cáo Q, Đ yêu cầu Bị hại T dọn dẹp nhà vệ sinh của Ban huy quân sự phường P xong rồi cho Bị hại T về, Bị hại T không đồng ý nên dẫn đến bị cáo Đ và Bị hại T đánh nhau. Bị cáo NGUYỄN CHÍ L là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường P không ngăn cản mà dùng dùi cui cao su đánh Bị hại T. Sau đó bị cáo L không chỉ đạo cho lực lượng dân quân do L quản lý thả cho bị hại Bị hại T về, mà nói “Dắt nó ra ngoài..” thì bị cáo Đ và bị cáo LÊ NHẬT H dùng khóa số 8, còng giữ Bị hại T tại song sắt lan can Nhà văn hóa phường.

Xét thấy các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức đầy đủ về hành vi của mình đối với xã hội. Mặc dù bị hại T đã vượt Chốt trực kiểm soát dịch Covid 19, giữa bị hại và bị cáo Đ có xảy ra đánh nhau trong quá trình Bị hại T bị đưa về trụ sở ủy ban nhân dân phường P nhưng giữa các bị cáo và Bị hại T không mâu thuẫn xích mích gì. Nhưng trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, các bị cáo Đ, Q, H, M, L và NGUYỄN MINH T thay phiên nhau dùng dùi cui cao su, đoạn tre, cán cơ bị da đánh và dùng chân đang mang giày da đá nhiều cái vào người của Bị hại T làm cho Bị hại T bị đa chấn thương. Hậu quả Bị hại T tử vong sau khi được đưa về nhà. Tuy nhiên hậu quả bị hại chết là ngoài ý muốn của các bị cáo, các bị cáo không có ý đánh vào vị trí bị hại T nguy hiểm trên cơ thể bị hại, mặt khác ý chí của các bị cáo không muốn tước đoạt tính mạng của bị hại. Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Q, Đ, L và LÊ NHẬT H tự ý dùng khóa 8 còng và giữ bị hại T trái pháp luật từ 16 giờ 30 phút đến 21 giờ 15 ngày 31/8/2021 tại khu vực sân sau Ủy ban dân dân phường P và Nhà văn hóa phường P. Hành vi của các bị cáo Q, Đ, L và LÊ NHẬT H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm sức khỏe, tính mạng của người khác; xâm phạm quyền tự do về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặc dù trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát, thành phố P đang thực hiện chỉ thị 16 của Chính phủ, Bị hại T vượt chốt không có giấy thông hành, nhưng sau khi Bị hại T bị đưa về Ủy ban nhân dân phường P, bị hại không bị xử lý gì về hành vi vượt chốt nhưng các bị cáo tiến hành dùng khóa 8 còng giữ bị hại, sau đó chỉ vì sự việc bị cáo Đ bị

Bị hại T đánh nhưng cũng do bắt nguồn từ sự việc bị cáo Đ bắt bị hại dọn vệ sinh. Nhưng việc các bị cáo dùng dùi cui cao su, đoạn tre, cán cơ bi da, giày da là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã tự nguyện và tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình của bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Việc dẫn đến cái chết của bị hại ngoài ra có một phần do không được cứu chữa kịp thời từ các bị cáo và từ gia đình bị hại, một phần do bị hại đã có bệnh nền như lao phổi, viêm gan; bị cáo Q trong quá trình công tác tại địa phương có giấy khen, có 2 ông cố nội là liệt sỹ; bị cáo L trong quá trình công tác có giấy khen, ba là thương binh $\frac{3}{4}$, bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại nhiều hơn các bị cáo khác; bị cáo T có thời gian 02 năm công tác trên đảo Trường Sa, các tình tiết này sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên được áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở về hòa nhập với xã hội. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò đáng kể nên tính chất của đồng phạm là đồng phạm giản đơn. Đối với tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo Đ là người thực hành tích cực nhất, đánh bị hại nhiều lần nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Do đó áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo được chuyển khung hình phạt sang khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, Q, M thực hiện hành vi ở mức độ ngang nhau nên 03 bị cáo này chịu mức hình phạt bằng nhau. Đối với bị cáo L và bị cáo T đánh bị hại ít hơn 04 bị cáo trên nên chịu mức hình phạt thấp hơn. Mặc dù bị cáo L đánh bị hại 1 lần nhưng bị cáo L là lãnh đạo nhưng không có sự can ngăn đối với lính cấp dưới nên bị cáo L phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T; bị cáo T không có sự tham gia từ đầu, sau khi Bị hại T bị công lần thứ 2, bị cáo T đi đến trụ sở Ủy ban nhân dân phường thì nghe bị cáo Đ kể lại bị Bị hại đánh thì T có ra dùng chân mang giày đá bị hại sau đó không tham gia đánh nữa. Cả 05 bị cáo H, Q, M, L, T áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình, khi quyết định hình phạt được chuyển khung hình phạt sang khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Đối với tội “Giữ người trái pháp luật”, xét tính chất mức

độ phạm tội cả 04 bị cáo Đ, Q, H, L là như nhau nên 04 bị cáo này phải chịu mức hình phạt bằng nhau.

[4] Người bào chữa cho các bị cáo Đ, H, Q, M, T thống nhất với quan điểm truy tố, cùng các tình tiết giảm nhẹ cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã đưa ra. Tuy nhiên, đối với tội “Cố ý gây thương tích”, người bào chữa cho 05 bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với tội “Giữ người trái pháp luật”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo. Xét đề nghị của người bào chữa cho 05 bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đối với tội “Cố ý gây thương tích” với các tình tiết đã đưa ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, việc đề nghị xem xét dưới khung hình phạt đối với tội “Giữ người trái pháp luật”, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chính từ việc các bị cáo giữ bị hại là nguyên nhân dẫn đến các bị cáo gây thương tích cho bị hại, nên dẫn đến sự việc hôm nay. Do đó đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Việc bị cáo L cho rằng bị cáo chỉ đánh 1 cái vào chân bị hại thì không gây ra cái chết của bị hại. Hội đồng xét xử nhận thấy: đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo phải chịu hậu quả chung do hành vi của mình gây ra, việc đánh ít hay đánh nhiều là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo L là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phường P, bị cáo chịu trách nhiệm quản lý chung. Sau sự việc đánh nhau giữa bị cáo Đ và Bị hại T ngay tại nhà vệ sinh của Ban chỉ huy quân sự phường P, nếu bị cáo ra lệnh thả cho bị hại ra về thì không có sự việc xảy ra sau đó, bị cáo cho rằng bị cáo không ra lệnh cùng bị hại, nhưng việc bị cáo có ra lệnh cùng bị hại hay không, thì việc bị hại bị cùng trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ trong khuôn viên Ủy ban nhân dân phường, quá trình các bị cáo khác ra vào thay phiên nhau đánh bị hại, bị cáo có biết nhưng bị cáo là lãnh đạo, người chịu trách nhiệm quản lý chung nhưng không có sự chỉ đạo đối với cấp dưới. Do đó việc bị cáo cho rằng mình không chịu trách nhiệm gì đối với tội “Giữ người trái pháp luật” là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bà Lâm Thị Hồng A (Người đại diện hợp pháp của Bị hại T) yêu cầu các bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T phải bồi thường số tiền 249.000.000 đồng, gồm: chi phí mai táng 100.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng. Các bị cáo và gia đình của các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà A.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T phải bồi thường thêm tiền chi phí mai táng cho Bị hại T là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Giữa bà A và 06 bị cáo đã thỏa thuận, 06 bị cáo đồng ý liên đới cùng bồi thường thêm khoản chi phí mai táng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Đây

là sự tự nguyện thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà A. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà A. Các bị cáo đồng ý liên đới cùng bồi thường thêm khoản chi phí mai táng cho Bị hại T là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Chia phần như sau: 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị B là mẹ của cháu Trần Ngọc H (sinh ngày 24/10/2013, con của Trần Văn T) yêu cầu 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T phải liên đới cấp dưỡng nuôi cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà B yêu cầu 06 bị cáo cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Giữa bà B và 06 bị cáo đã thỏa thuận, các bị cáo đồng ý liên đới cấp dưỡng tiền nuôi cháu H, cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà B. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa 06 bị cáo và bà B. Các bị cáo đồng ý liên đới cùng cấp dưỡng tiền nuôi cháu H, cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Chia phần như sau: 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T, mỗi bị cáo phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu H là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

[7] Tại phiên tòa, đại diện cho gia đình của 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T là cha, mẹ, vợ của các bị cáo là các ông bà có tên như sau: ông Trần Ngọc N; bà Đỗ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, bà Nguyễn Thị Hồng Nh, bà Đặng Thị P, bà Võ Thị Thủy N, là người đã hỗ trợ các bị cáo bồi thường các chi phí theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại. Nay các ông bà không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 còng số 8 bằng kim loại, có số hiệu 1063; 01 cây gậy cao su màu đen (dùi cui), chiều dài 52cm, đường kính 3,5cm trên đầu tay cầm có dây dù được cột thành vòng tròn; 02 cây dùi cui bằng cao su màu đen có chiều dài 52cm, đường kính 3cm, là công cụ hỗ trợ thuộc quyền quản lý của Ban chỉ huy quân sự phường P. Do vậy, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Ban chỉ huy quân sự phường P.

Đối với 01 khúc cây cơ bida dài 43cm, đường kính chui 3cm, trên thân sơn màu vàng đen, khúc cây bằng thân dạng gỗ, khúc cây dài bị gãy thành 02 khúc; 01 cây tre đẹp dài 73cm; 01 đôi giày da màu đen có số dưới giày là 41, bên trong giày có dòng chữ Công ty may Thanh Trình sản xuất 2020, là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều

47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc nón kết bằng vải màu xám, nâu, trên nón có chấm trắng nhỏ li ti. Đây là vật chứng thuộc loại không có giá trị sử dụng. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo TRẦN NGỌC Đ, LÊ NHẬT H, LÊ NGỌC Q, NGUYỄN QUANG M, NGUYỄN CHÍ L và NGUYỄN MINH T cùng phạm tội “ Cố ý gây thương tích”; các bị cáo TRẦN NGỌC Đ, LÊ NHẬT H, LÊ NGỌC Q, NGUYỄN CHÍ L cùng phạm tội “ Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt:

Bị cáo TRẦN NGỌC Đ 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “ Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo LÊ NHẬT H 04 (Bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “ Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo LÊ NGỌC Q 04 (Bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “ Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo NGUYỄN CHÍ L 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “ Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

của 2 tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2022.

Bị cáo NGUYỄN QUANG M 04 (Bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Bị cáo NGUYỄN MINH T 02 (Hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2022.

Về bồi thường dân sự:

Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584 và khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự :

Công nhận sự thỏa thuận giữa 06 bị cáo gồm TRẦN NGỌC Đ, LÊ NHẬT H, LÊ NGỌC Q, NGUYỄN QUANG M, NGUYỄN CHÍ L, NGUYỄN MINH T và bà Lâm Thị Hồng A. 06 bị cáo đồng ý liên đới cùng bồi thường thêm chi phí mai táng cho Bị hại T 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo yêu cầu của bà Anh. Chia phần như sau:

Bị cáo TRẦN NGỌC Đ bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Bị cáo LÊ NHẬT H bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Bị cáo LÊ NGỌC Q bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Bị cáo NGUYỄN QUANG M bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) cho bà Lâm Thị Hồng A.

Bị cáo NGUYỄN CHÍ L bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Bị cáo NGUYỄN MINH T bồi thường số tiền 8.333.000 (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng cho bà Lâm Thị Hồng A.

Công nhận sự thỏa thuận giữa 06 bị cáo gồm TRẦN NGỌC Đ, LÊ NHẬT H, LÊ NGỌC Q, NGUYỄN QUANG M, NGUYỄN CHÍ L, NGUYỄN MINH T và bà Trần Thị B. 06 bị cáo đồng ý liên đới cùng cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Ngọc H cho bà Trần Thị B, cấp dưỡng 1 lần với số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Chia phần như sau:

Bị cáo TRẦN NGỌC Đ cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Bị cáo LÊ NHẬT H cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Bị cáo LÊ NGỌC Q cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Bị cáo NGUYỄN QUANG M cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Bị cáo NGUYỄN CHÍ L cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Bị cáo NGUYỄN MINH T cấp dưỡng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bà Trần Thị B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng

Áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc nón kết bằng vải màu xám, nâu, trên nón có chấm trắng nhỏ li ti; 01 khúc cây cơ bida dài 43cm, đường kính chui 3cm, trên thân sơn màu vàng đen, khúc cây bằng thân dạng gỗ, khúc cây dài bị gãy thành 02 khúc; 01 cây tre đẹp dài 73cm; 01 đôi giày da màu đen có số dưới giày là 41, bên trong giày có dòng chữ Công ty may Thanh Trình sản xuất 2020.

Trả lại cho Ban chỉ huy quân sự phường P 01 còng số 8 bằng kim loại, có số hiệu 1063; 01 cây gậy cao su màu đen (dùi cui), chiều dài 52cm, đường kính 3,5cm trên đầu tay cầm có dây dù được cột thành vòng tròn; 02 cây dùi cui bằng cao su màu đen có chiều dài 52cm, đường kính 3cm,

Vật chứng ghi trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố P quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 90 ngày 14/6/2022.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc 06 bị cáo gồm Đ, H, Q, M, L và T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 09/8/2022).

Nơi nhận

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Quyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Ái Quyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

Nơi nhận

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- TÒA**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

Nơi nhận

THẨM

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- TÒA**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

Nơi nhận

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- TÒA**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

Nơi nhận
THẨM

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- TÒA**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
 - TAND tỉnh Bình Thuận;
 - Công an thành phố Phan Thiết;
 - Người tham gia tố tụng;
 - UBND địa phương nơi b/c thường trú;
 - Thi hành án thành phố P;
 - Lưu hồ sơ.

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- VKSND thành phố Phan Thiết;
- TÒA**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
 - TAND tỉnh Bình Thuận;
 - Công an thành phố Phan Thiết;

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày: 21/4/ 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Thanh Quang, cán bộ
Toà án nhân dân thành phố P– tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P– tỉnh Bình Thuận tham gia
phiên toà: Bà Trần Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, Tòa án
nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày
17 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

TRƯƠNG QUỐC TOÀN - Sinh năm: 1996, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Hội Nhơn, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm nông; con ông Trương Tấn Phi và bà Lê Thị Mỹ Châu. **Bị cáo chưa có vợ** con

Tiền sự : không; Tiền án: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 04/12/2016, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 04/12/2016, Nguyễn Văn Đầy (sinh năm 1990, trú tại thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam) do có nhu cầu sử dụng ma túy nên đã sử dụng điện thoại di động thuê bao số 01267.475.542 gọi vào điện thoại di động thuê bao số 0926.575.347 của Trương Quốc Toàn (sinh ngày 06/5/1996, trú tại thôn Hội Nhơn, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc) để hỏi mua một tép ma túy đá với giá 300.000 đồng. Toàn đồng ý bán và qua nhiều lần nhắn tin, Toàn và Đầy thỏa thuận Đầy đi đến tiệm nét Không Gian trên đường Tuyên Quang (thuộc khu phố 4, phường P, thành phố P) gặp Toàn để giao nhận ma túy. Khoảng 17 giờ 25 phút cùng ngày, Đầy đi đến địa điểm đã thỏa thuận. Tại đây, Đầy đứng bên ngoài tiệm nét Không Gian và thấy Toàn đứng bên trong ra hiệu cho Đầy đi vào trong quán. Toàn và Đầy đi lên lầu 2 của tiệm nét Không Gian thì Toàn lấy trong người ra một tép ma túy đá đưa cho Đầy, Đầy nhận tép ma túy đá trên cát vào túi quần bên phải rồi lấy ra 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền, mệnh giá 100.000 đồng/tờ) đưa cho Toàn. Toàn nhận tiền cát vào người rồi cùng Đầy đi xuống lầu 1 của tiệm nét. Khi xuống đến lầu 1 thì Toàn và Đầy bị cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – công an tỉnh Bình Thuận bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 gói nylon không màu được hàn kín, kích thước khoảng 01 x 03cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng được thu giữ trong túi quần bên phải của Đầy. (Kí hiệu mẫu M khi giám định)

01 ví da bên trong có: 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền , mệnh giá 100.000 đồng/tờ); 05 gói nylon không màu được hàn kín, hở 01 đầu, kích thước mỗi gói khoảng 01 x 03cm. Thu giữ trong túi quần sau bên phải của Toàn.

01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 01267.475.542. Thu giữ trong túi quần bên phải của Đầy.

01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 0926.575.347. Thu giữ trong túi quần bên phải của Toàn.

Tại kết luận giám định số 693/KLGD-PC54 ngày 09/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Bình Thuận đã kết luận:

“Mẫu M gửi giám định có khối lượng 0,1802 gam là Methamphetamine”

Cơ quan Cảnh sát điều tra – công an thành phố Đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 01267.475.542 cho Nguyễn Văn Đầy vì xét thấy việc trả lại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Hiện vật chứng vụ án gồm: 01 gói ny long chứa mẫu sau giám định được niêm phong trong hộp số 693 ngày 09/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, có vỏ màu đen, sử dụng sim số 0926.575.347; 05 gói nylon không màu được hàn kín, hờ 01 đầu, kích thước mỗi gói khoảng 01 x 03cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 47 ngày 16/3/2017. Đối với số tiền 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền, mệnh giá 100.000 đồng/tờ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đã nộp vào tài khoản số 3949 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tại kho bạc nhà nước tỉnh Bình Thuận vào ngày 16/3/2017.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Trương Quốc Toàn về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 01 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trương Quốc Toàn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Đề nghị áp dụng khoản 01 Điều 194; điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Quốc Toàn từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 01 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a, đ khoản 02 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 gói ny long chứa mẫu sau giám định được niêm phong trong hộp số 693; 05 gói nylon không màu được hàn kín, hờ 01 đầu, kích thước mỗi gói khoảng 01 x 03cm;

Đây là vật chứng thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng.

Tịch thu 01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 0926.575.347 thu giữ của bị cáo, là tài sản của bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy trong vụ án do vậy cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 01 Điều 41 Bộ luật

Hình sự và điểm a khoản 02 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự để sung công quỹ nhà nước.

Tịch thu số tiền 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền , mệnh giá 100.000 đồng/tờ) là tiền do phạm tội mua bán ma túy mà có để sung công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Quốc Toàn không trình bày lời bào chữa cũng như không có ý kiến về lời luận tội của Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Pnhưng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Quốc Toàn đã khai nhận : Khoảng 17 giờ 25 phút ngày 04/12/2016, Trương Quốc Toàn đã bán trái phép 0,1802 gam là Methamphetamine cho Nguyễn Văn Đây thu lợi bất chính 300.000 đồng tại tiệm nét Không Gian trên đường Tuyên Quang (thuộc khu phố 4, phường P, thành phố P).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy Trương Quốc Toàn có học thức nên nhận thức được những tác hại nguy hiểm của ma túy và việc mua bán chất ma túy là trái pháp luật nhưng do đua đòi ăn chơi và xem thường pháp luật nên đã bán ma túy để thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội . Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Quốc Toàn đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 194 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền sự, tiền án đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 01 Điều 46, khoản 02 Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pphân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ đề nghị mức xử phạt đối với bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng. Xét thấy đề nghị trên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Plà có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn Đầy đã mua 0,1802 gam Methamphetamin của Toàn vào ngày 04/12/2016, chưa đủ định lượng cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời Đầy chưa bị kết án về tội tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 BLHS nên không xử lý hình sự đối với Đầy về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan CSĐT – công an TP.Phan Thiết chuyển xử phạt hành chính theo quy định là phù hợp.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác áp dụng đối với bị cáo:

Mẫu ma túy sau giám định và các vật chứng được thu giữ tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản khám xét cùng ngày **04/12/2016** là:

Đối với 01 gói ny long chứa mẫu sau giám định được niêm phong trong hộp số 693; 05 gói nylon không màu được hàn kín, hở 01 đầu, kích thước mỗi gói khoảng 01 x 03cm;

Đây là vật chứng thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm a, c khoản 01 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a, đ khoản 02 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 0926.575.347 thu giữ của bị cáo, là tài sản của bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy trong vụ án do vậy cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 01 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 02 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo và đã nộp vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố Plà 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền, mệnh giá 100.000 đồng/tờ) là tiền do phạm tội mua bán ma túy mà có do vậy cần áp dụng điểm c khoản 02 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 ví da thu giữ của bị cáo, vì không liên quan đến tội phạm nên áp dụng khoản 01 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại do bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 01267.475.542 thu giữ của Nguyễn văn Đầy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – công an TP.Phan Thiết đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Văn Đầy nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

***Hỏi bị cáo có nhận lại ví da không, nếu không nhận thì tịch thu tiêu hủy;
Biên bản giao nhận vật chứng tài sản, nộp tiền vào kho bạc***

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố:** Bị cáo Trương Quốc Toàn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* **Áp dụng:** khoản 01 Điều 194; điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự.

* **Xử phạt:** Bị cáo Trương Quốc Toàn 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2016.

* **Biện pháp tư pháp:**

+ Áp dụng điểm a, b, c khoản 01 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, c, d khoản 02 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói ny long chứa mẫu sau giám định được niêm phong trong hộp số 693; 05 gói nylon không màu được hàn kín, hở 01 đầu, kích thước mỗi gói khoảng 01 x 03cm;

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (gồm 3 tờ tiền , mệnh giá 100.000 đồng/tờ) thu giữ của Trương Quốc Toàn do đây là tiền do phạm tội mà có;

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, sử dụng sim số 0926.575.347

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 47 ngày 16/3/2017 và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949 ngày 16/13/2017 tại kho bạc nhà nước tỉnh Bình Thuận của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2017/NQ-HĐTP ngày 31/01/2017 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên buộc bị cáo Trương Quốc Toàn phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- TAND tỉnh Bình Thuận
- Công an tp Phan Thiết
- Người tham gia tố tụng
- UBND địa phương nơi b/c thường trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án thành phố P
- Lưu hồ sơ

HÀ THỊ ÁI QUYÊN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phan Thiết , ngày 27 tháng 12 năm

2016 ;

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các hội thẩm nhân dân :

1/Ông Nguyễn Bính

2/ Ông Nguyễn Văn Đô

Căn cứ vào các điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Vào hồi 10 giờ 00’ ngày 27 tháng 12 năm 2016 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án với vụ án:

ĐỖ ĐÌNH CƯỜNG (Cường Chuối) - Sinh năm: 1980, tại Bình Thuận. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Bị truy tố tội “ Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 01 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại

phiên tòa ,Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

1/ Về tội danh: Hành vi của bị cáo Đỗ Đình Cường đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 01 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Kết quả biểu quyết: 3/3;

2/ Về điều luật áp dụng: khoản 01 Điều 194 ; điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự. Kết quả biểu quyết: 3/3;

3/ Về mức hình phạt:

*** Xử phạt:** Đỗ Đình Cường 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2016; Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4/ Về các vấn đề khác:

*** Biện pháp tư pháp:**

+ Áp dụng điểm a, b, c khoản 01 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, c, d khoản 02 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy hai phong bì niêm phong số 244/1 và 244/2 cùng ngày 13/5/2016 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu – Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Thuận; 01 bịch nylon có khóa kéo, kích thước khoảng 05cm x 10cm, bên trong có chứa nhiều bịch nylon nhỏ, kích thước mỗi bịch nylon khoảng 1,5cm x 03cm, không chứa gì; 01 cân tiểu ly có chữ Amput; 01 bình dùng để sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh; 10 bịch nylon có khóa kéo, kích thước khoảng 10cm x 05cm, không chứa gì.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 800.000(*Tám trăm nghìn*) đồng thu giữ của Đỗ Đình Cường do đây là tiền do phạm tội mà có;

- Tuyên buộc Đỗ Đình Cường tiếp tục nộp 50.000(*năm mươi nghìn*) đồng tiền thu được do phạm tội bán ma túy trong ngày 08/5/2016 để sung công quỹ nhà nước.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước điện thoại di động loại cảm ứng vỏ màu đen mặt sau có chữ Wing, bên trong có gắn hai sim số là 0947.659.739 và 01234.008.002.

- Trả lại cho Đỗ Đình Cường một điện thoại di động hiệu Qsmart và một điện thoại di động hiệu Nokia, bên trong không có pin.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 700.000(*bảy trăm nghìn*) đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 17 ngày 23/11/2016 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/11/2016 tại kho bạc nhà nước tỉnh Bình Thuận của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTV-QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên buộc bị cáo Đỗ Đình Cường phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bính

Nguyễn Văn Đô

Phạm Phong Lan